

Số: 442/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP
và tình hình kinh tế - xã hội năm 2021**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, UBND tỉnh báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết và tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 như sau:

I. BỐI CẢNH VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ

Năm 2021, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; đồng thời cũng là năm đầu tiên tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, cùng với cả nước, Kiên Giang gặp phải không ít khó khăn, thách thức, đặc biệt là sự xuất hiện với diễn biến hết sức phức tạp của đại dịch Covid-19, hạn hán, xâm nhập mặn đã làm ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống kinh tế - xã hội của Nhân dân. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ, Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 để chỉ đạo điều hành¹; đồng thời, quyết định phân công và giao chỉ tiêu cụ thể

¹ Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 22/02/2021 của UBND về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

đôi với các sở, ban ngành và địa phương để tổ chức thực hiện². Với sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, sự lãnh đạo tập trung của Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh, cùng sự nỗ lực của toàn Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh đã đạt được một số kết quả tích cực trong việc thực hiện “mục tiêu kép trong tình hình mới, vừa chủ động phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; vừa phục hồi và đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội”.

II. VỀ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 VÀ HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN

1. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

Từ đầu năm 2020 đến nay, cùng với cả nước, tỉnh Kiên Giang đã trải qua 4 đợt dịch; quy mô, mức độ lây lan qua mỗi đợt có xu hướng ngày càng phức tạp hơn. Nền kinh tế - xã hội của tỉnh đã bị ảnh hưởng nặng nề, nhất là khi đợt dịch lần thứ 4 bùng phát với sự xuất hiện của biến chủng mới, tốc độ lây lan nhanh, xâm nhập sâu trong cộng đồng, vào các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở y tế, cơ quan hành chính nhà nước,... với số ca mắc và số người tử vong chiếm cao nhất so với 3 đợt dịch trước đó. Tổng số từ đầu vụ dịch đến ngày 23/11/2021: Toàn tỉnh ghi nhận 18.037 trường hợp mắc Covid-19, đã điều trị khỏi 12.804 trường hợp; 187 trường hợp tử vong; 5.046 trường hợp đang điều trị. Tình hình tiêm vắc xin phòng Covid-19: Tính đến ngày 23/11/2021, tổng số mũi tiêm 1.913.366, trong đó mũi 1 (số lượng: 1.163.941, tỷ lệ 97,39%); mũi 2 (số lượng: 749.425, tỷ lệ 62,71%).

Trước tình hình diễn biến phức tạp của đợt dịch thứ 4, tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh³; triển khai tích cực, đồng bộ nhiều giải pháp thực hiện các quy định, chỉ đạo của Trung ương⁴ với tinh thần “*chống dịch như chống giặc*”, đảm bảo sức khỏe, tính mạng của Nhân dân lên trên hết, trước hết; đồng thời, tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh dịch

² Quyết định số 244/QĐ-UBND tỉnh ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh về việc phân công thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021.

³ Quyết định số 322-QĐ/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh Kiên Giang.

⁴ Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid-19; Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19; Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới; Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV; Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”.

Covid-19⁵, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt thực hiện các giải pháp khôi phục sản xuất kinh doanh như: Kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế; thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng “hộ chiếu vắc-xin”; kế hoạch đón khách nội địa.... Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực, phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, nhất là lực lượng tuyến đầu chống dịch như y tế, công an,... với sự đoàn kết, đồng lòng của Nhân dân, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát, hoạt động sản xuất, kinh doanh đã dần thích ứng, phục hồi trở lại, an sinh xã hội, đời sống Nhân dân cơ bản được đảm bảo, an ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

2. Công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn

Ngay từ đầu năm, tỉnh đã chủ động triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 11/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; các Chương trình hành động, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh⁶ để ứng phó với tình hình hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra trong những tháng mùa khô đầu năm 2021. Chỉ đạo gia cố, đắp mới các đập ngăn mặn kết hợp vận hành có hiệu quả hệ thống cống ngăn mặn - giữ ngọt⁷, đặc biệt tỉnh đã đưa vào vận hành tạm thời cống Cái Bé từ tháng 02/2021 thuộc Dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1; cùng với các công trình cấp nước nông thôn tập trung, đến nay nước phục vụ sản xuất, nước sinh hoạt đô thị và nông thôn được đảm bảo.

III. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

1. Về kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2021 (*giá so sánh 2010*) ước tính 63.153,65 tỷ đồng, đạt 95,17% kế hoạch⁸, tăng 0,58% so với cùng kỳ

⁵ Kế hoạch 208/KH-UBND ngày 29/10/2021 triển khai các giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh về việc thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng "hộ chiếu vắc-xin"; Quyết định 2041/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 thành lập Ban Chỉ đạo phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong Bối cảnh dịch Covid-19.

⁶ Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 09/10/2020 về Thực hiện Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 11/9/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 16/10/2020 về thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trong mùa khô 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 11/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chủ động triển khai các biện pháp ứng phó nguy cơ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong mùa khô 2020-2021 ở Đồng bằng sông Cửu Long.

⁷ Vận hành đóng, mở các cống tuyến đê biển Rạch Giá - Kiên Lương, An Biên - An Minh và tuyến đê bao Ô Môn - Xã No (35 cống) thuộc huyện Giồng Riềng, Gò Quao, các cống trên địa bàn TP. Rạch Giá, huyện Châu Thành (55 cống), U Minh Thượng (17 cống).

⁸ Số Kế hoạch năm 2021 đã quy đổi về số liệu Tổng cục Thống kê tương đương 66.356,88 tỷ đồng cho phù hợp với số liệu công bố. Nếu so với số Kế hoạch chưa quy đổi (73.098,7 tỷ đồng) chỉ đạt 86,4% Kế hoạch.

(cùng kỳ tăng 3,24%), trong đó: (i) khu vực nông - lâm - thủy sản tăng 0,93%; (ii) khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 2,25%; (iii) khu vực thương mại - dịch vụ tăng 0,14%; (iv) thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm bằng 94,08%.

Cơ cấu kinh tế: (i) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 41,92%; (ii) khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,5 %; (iii) khu vực dịch vụ chiếm 32,33%; (iv) thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,25%.

Tổng thu nhập bình quân đầu người ước 58,1 triệu đồng/người/năm.

1.1. Về sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết bị ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn; dịch Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, giãn cách xã hội kéo dài làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông - lâm - thủy sản. Trước những khó khăn, thách thức, ngành nông nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp kịp thời, hiệu quả⁹; sản xuất nông nghiệp dần phát triển theo hướng hàng hóa, sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị, phát huy được tiềm năng lợi thế của từng vùng, góp phần thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp; giá trị sản xuất khu vực nông, lâm, thủy sản ước đạt 63.878,8 tỷ đồng, bằng 98,62% kế hoạch, tăng 0,65% so cùng kỳ.

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng 715.700,7 ha, đạt 99,82% kế hoạch; diện tích thu hoạch 711.902,8 ha, đạt 99,47% diện tích gieo trồng; ước sản lượng đạt 4,5 triệu tấn, vượt 2,47% so với kịch bản phòng, chống dịch bệnh Covid-19; trong đó, lúa chất lượng cao chiếm 93,99% diện tích. Toàn tỉnh đã xây dựng 783 cánh đồng lớn với diện tích 74.968 ha, trong đó, có 682 cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ, diện tích 53.811 ha. Diện tích sản xuất rau màu duy trì ổn định, đạt 12.516 ha, đạt 119,20% kế hoạch và tăng 26,09% so cùng kỳ¹⁰.

- *Chăn nuôi*: Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt; công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ được tiến hành thường xuyên và thực hiện đúng quy trình. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong khâu vận chuyển con giống, giá thức ăn, vật tư đầu vào bởi dịch Covid-19 nên việc

⁹ Thành lập "Tổ chỉ đạo sản xuất, kết nối cung cầu tiêu thụ nông sản; phản ánh, phối hợp tháo gỡ khó khăn lưu thông hàng hóa, vật tư nông nghiệp, thu mua, thu hoạch nông sản, thủy sản" trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 746/QĐ-SNNPTNT ngày 27/7/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; tổ chức nhiều cuộc hội nghị trực tuyến hỗ trợ kết nối tiêu thụ hàng chục nghìn tấn rau màu các loại trong thời gian tỉnh thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19;

¹⁰ Cụ thể: Dưa hấu là 1.746 ha, đạt 155,89% so với kế hoạch và tăng 69,51% so cùng kỳ; Khoai lang là 1.613 ha, đạt 107,53% so với kế hoạch và tăng 13,43% so cùng kỳ; Khoai mì là 374 ha, đạt 93,50% so với kế hoạch và tăng 3,60% so cùng kỳ; Bắp là 325 ha, đạt 108,33% so với kế hoạch và tăng 15,66% so cùng kỳ.

gia tăng tổng đàn gia súc, gia cầm còn thấp so với kế hoạch¹¹; nguy cơ phát sinh lây lan bệnh Dịch tả heo Châu Phi và Viêm da nổi cục trên bò¹² trong những tháng cuối năm luôn ở mức cao do chưa có vắc xin phòng bệnh và điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học còn nhiều hạn chế.

- *Lâm nghiệp*: Tiếp tục quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển diện tích rừng hiện có; chăm sóc diện tích rừng trồng¹³; tỷ lệ che phủ rừng đạt 12%¹⁴. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện kịp thời; từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã xảy ra 08 vụ cháy rừng, với tổng diện tích cháy 12,09 ha¹⁵; các lực lượng đã kịp thời dập tắt, không để cháy lớn, cháy lan vào rừng và không thiệt hại tài nguyên rừng; hiện tại các vụ cháy đang được xác minh, xử lý.

- *Về thủy sản*: Giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 32.427,9 tỷ đồng, đạt 98,68% kế hoạch và tăng 2,43% so cùng kỳ. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng ước đạt 866.979 tấn, đạt 108,51% kế hoạch và tăng 3,68% so cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác 568.860 tấn, đạt 111,54% kế hoạch bằng 99,44% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng 298.119 tấn, đạt 103,16% kế hoạch và tăng 12,88% so cùng kỳ (riêng sản lượng tôm nuôi nước lợ 104.694 tấn, đạt 106,83% kế hoạch, tăng 13,19% so cùng kỳ).

Tăng cường công tác quản lý tàu cá và chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác¹⁶; đến nay, toàn tỉnh đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được 3.632/3.662 tàu cá¹⁷; số tàu còn lại chưa lắp thiết bị là 30 tàu, phân đầu hoàn

11 Trong đó: đàn heo 196.415 con, đạt 78,57% kế hoạch và bằng 98,08%; đàn trâu 4.398 con, đạt 89,76 % kế hoạch và bằng 93,12%; đàn bò 10.650 con, đạt 85,20% kế hoạch, bằng 89,32%; đàn gia cầm 3.784 nghìn con, đạt 68,80% kế hoạch và bằng 86,22% so cùng kỳ.

12 - Bệnh Viêm da nổi cục trên bò: Dịch bệnh lần đầu tiên xảy ra ở Kiên Giang vào ngày 26/7/2021 tại huyện Giang Thành, lũy kể đến nay, đã xảy ra tại 67 hộ thuộc 21 ấp, 12 xã, 04 huyện, thành phố (Giang Thành, Kiên Lương, Hà Tiên, Hòn Đất), với tổng số 185 con bò mắc bệnh. Đến nay, đã cơ bản hồi phục, chỉ thiệt hại 01 con bò nái tại huyện Kiên Lương.

- Bệnh Dịch tả heo Châu Phi: Từ ngày 05/9/2021 đến nay, dịch bệnh đã tái phát, xảy ra 49 ổ dịch, tại 25 xã/phường/thị trấn thuộc 8 huyện/thành phố (Châu Thành, An Minh, Hòn Đất, Tân Hiệp, Rạch Giá, Vĩnh Thuận, Kiên Lương và U Minh Thượng); buộc tiêu hủy 1.065 con heo, trọng lượng 64.352 kg để phòng, chống dịch. Đến 4/ 11/2021 đã có 06/25 xã, phường, thị trấn có dịch qua 21 ngày không phát sinh thêm ổ dịch mới, gồm Châu Thành 03/7 xã, An Minh 02/3 xã, Hòn Đất 01/02 xã.

¹³ Diện tích đất có rừng hiện nay là 76.205,92 ha¹³; trong đó: rừng tự nhiên 58.022,44 ha; rừng trồng đã thành rừng 18.183,48 ha; đất chưa có rừng 13.398,46 ha. Phân theo chức năng, toàn tỉnh có: 39.709,54 ha rừng đặc dụng; 32.065,68 ha rừng phòng hộ; 8.114,41 ha rừng sản xuất và 9.714,75 ha đất ngoài quy hoạch.

¹⁴ Theo Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020. Độ che phủ rừng tăng là do diện tích rừng khoanh nuôi đã thành rừng, nhiều diện tích rừng trồng đã đủ thời gian đưa vào tính độ che phủ và Bộ NN&PTNT có hướng dẫn, bổ sung thêm một số loại cây gỗ ngoài quy hoạch lâm nghiệp được thống kê để tính độ che phủ của rừng.

¹⁵ Trong đó: Giang Thành 02 vụ, diện tích 3,5 ha, rừng tràm trồng năm 2003-2004; Phú Quốc 06 vụ, diện tích 8,59 ha, hiện trạng đồng cỏ, tràm tái sinh rải rác.

¹⁶ Trong năm 2021 đã cấp 1.045 giấy phép khai thác thủy sản, 501 giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, 100 số danh bạ thuyền viên và thực hiện đánh dấu tàu khai thác 1.045 tàu. Tiếp nhận, hướng dẫn và chứng nhận 63 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu cho 03 chủ hàng với khối lượng 472 tấn sản phẩm thủy sản.

¹⁷ đã loại trừ 323 tàu cá thuộc diện xoá đăng ký và thuộc diện loại trừ: nằm bờ, hư, ngân hàng quản lý...



thành trong năm 2021. Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp; tăng cường tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản¹⁸.

Công tác xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện quyết liệt: Từ đầu năm đến nay, tỉnh đã công nhận 11/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới (vượt 2 xã so với kế hoạch). Lũy kế toàn tỉnh có 90/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 77,6%); 03 huyện (Tân Hiệp, Giồng Riềng và Gò Quao) đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 20%). Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu Quốc gia tỉnh tổ chức thẩm tra, đề nghị Trung ương thẩm định thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Vĩnh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới.

Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai tích cực, đã tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2021 cho 57 hồ sơ đăng ký dự thi của 27 chủ thể trên địa bàn 12 huyện, thành phố; có 57 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên¹⁹, trong đó 6 sản phẩm đạt 5 sao sẽ tham gia dự thi sản phẩm OCOP cấp quốc gia.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được quan tâm thực hiện, tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các trạm cấp nước nông thôn²⁰; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng tiết kiệm và chủ động dự trữ nước nên việc cung cấp nước sạch cho người dân tiếp tục ổn định²¹. Ước cuối năm, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 98,28%, trong đó nước sạch là 61,43% (kế hoạch 62%).

Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn: Đã hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiệt hại do thiên tai gây ra cho các hộ dân với tổng số tiền

¹⁸ Đến tháng 9/2021, đã xử lý 03 tàu, tổng số tiền là 1.904 triệu đồng; tịch thu 03 tàu; 03 tàu qua điều tra, xác minh đã xác định không vi phạm vùng biển nước ngoài; quyết định xử phạt vi phạm hành chính 04 cá nhân; xây dựng phương án xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị tịch thu do vi phạm hành chính đối với 4 tàu cá có quyết định xử phạt theo quy định.

¹⁹ 39 sản phẩm đạt 3 sao; 12 sản phẩm đạt 4 sao; 6 sản phẩm đạt 5 sao.

²⁰ Tiếp tục thi công Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận; Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng; Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống Hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên; Nghiệm thu đưa vào sử dụng: Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020; Xây dựng kế hoạch kiểm nghiệm chất lượng nước năm 2021, hàng tháng tiến hành lấy mẫu nước tại các trạm cấp nước để tiến hành nội kiểm, chỉ tiêu trong mẫu xét nghiệm đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 02:2009/BYT. Sản lượng nước sạch các Trạm cung cấp: 7.484.055/8.200.000m³ đạt 91,26% kế hoạch; Lượng nước thô cấp cho Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang từ hồ chứa nước Dương Đông: 5.636.583/7.200.000 m³, đạt 78,28% kế hoạch.

²¹ trong thời gian giãn cách chỉ có khoảng 41 doanh nghiệp lớn duy trì sản xuất hoạt động cầm chừng, còn lại khoảng 57 doanh nghiệp phải dừng hoạt động.



369,5 triệu đồng²². Đồng thời, tiếp nhận vật tư, thiết bị (05 nhà bạt, 1.000 phao tròn, 20 phao bè) từ nguồn dự trữ quốc gia theo Quyết định số 385/QĐ-UB ngày 06/9/2021 của Ủy ban Quốc gia về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

1.2. Sản xuất công nghiệp:

Nêu cao tinh thần vượt khó, nỗ lực thích ứng an toàn, linh hoạt trong tình hình mới để duy trì sản xuất kinh doanh và việc làm cho người lao động, các doanh nghiệp đã chủ động triển khai nhiều giải pháp phù hợp để khắc phục tác động của dịch Covid-19; từ đó tuy các chỉ tiêu không đạt kế hoạch nhưng tăng so cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 47.308,90 tỷ đồng, tăng 1,71% so cùng kỳ và bằng 86,94% kế hoạch²³. Tiếp tục đầu tư cải tạo, phát triển lưới điện; tuyên truyền thực hiện các biện pháp tiết kiệm và sử dụng điện hiệu quả; ước cuối năm, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,6%, đạt 100% kế hoạch.

Về phát triển khu công nghiệp: Ước cả năm, tổng giá trị đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu đạt 323,57 tỷ đồng, đạt 52,62% kế hoạch và bằng 40,32% so cùng kỳ²⁴; lũy kế giá trị đầu tư các khu công nghiệp từ khi triển khai đến nay đạt 6.148,89 tỷ đồng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên sản lượng hàng hóa sản xuất, tiêu thụ của đa số các doanh nghiệp đều đạt thấp so kế hoạch, ước giá trị sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2021 đạt 6.013,94 tỷ đồng, bằng 71,93% kế hoạch.

1.3. Thương mại - dịch vụ

- Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiều giải pháp tăng cường hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa, nông sản, giúp bình ổn thị trường; đảm bảo nguồn cung hàng hóa thiết yếu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống ước đạt 106.647 tỷ đồng, bằng 85,92% kế hoạch và giảm 0,26% so với cùng kỳ, trong đó: Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 82.200 tỷ đồng, giảm 0,61%; lưu trú và ăn uống đạt

²² Các huyện: Giồng Riềng, Châu Thành, Tân Hiệp, U Minh Thượng, An Biên, An Minh, Hòn Đất và Kiên Hải; thiệt hại 37 hộ nhà sập, 50 hộ nhà tốc mái, 15 người bị thương, 01 người chết do sóng to, gió lớn làm chìm phương tiện đánh bắt hải sản.

²³ Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng 294,06 tỷ đồng, tăng 4,76%; công nghiệp chế biến, chế tạo 44.733,25 tỷ đồng, tăng 1,44%, đây là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GTSXCN toàn tỉnh (chiếm 94,56%); sản xuất và phân phối điện, khí đốt 800,20 tỷ đồng, tăng 5,26% và cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải 1.458,39 tỷ đồng, tăng 7,88% so cùng kỳ.

²⁴ Trong đó: Vốn NSNN là 7,217 tỷ đồng (vốn chuyển tiếp là 6,02 tỷ đồng và vốn bố trí mới là 1,2 tỷ đồng); vốn ngoài NSNN là 316,35 tỷ đồng.

11.900 tỷ đồng, giảm 2,74%; du lịch lữ hành đạt 183 tỷ đồng, giảm 16,97% so với cùng kỳ²⁵.

- *Xuất, nhập khẩu hàng hóa*: Mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng với việc thực hiện các giải pháp linh hoạt, các doanh nghiệp đang từng bước ổn định hoạt động trở lại; đồng thời, dự báo trong những tháng cuối năm, nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu sẽ có bước tăng mạnh do nhu cầu tiêu dùng tăng trong những dịp lễ, tết, đặc biệt là đối với ngành dệt may, da giày, chế biến nông sản, thủy sản,...; nên dù ước cả năm xuất khẩu không đạt kế hoạch đề ra nhưng vẫn duy trì mức tăng trưởng khá, tăng so với cùng kỳ; đạt 695 triệu USD, đạt 92,67% kế hoạch, tăng 1,89% so cùng kỳ, trong đó, gạo đạt 238,15 triệu USD, tăng 8,66%; rau quả đạt 12,88 triệu USD, tăng 48,05%; hải sản đạt 243,55 triệu USD, tăng 3,75% so cùng kỳ. Nhập khẩu ước đạt 125 triệu USD, đạt 125% kế hoạch và giảm 3,4% so cùng kỳ.

- *Du lịch*: Là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19, lượng khách du lịch và doanh thu bị sụt giảm mạnh; để khôi phục lại hoạt động du lịch trong những tháng cuối năm, nhiều giải pháp đã được triển khai thực hiện nhằm thu hút khách du lịch nội địa và quốc tế đến Kiên Giang, đặc biệt, tỉnh đã đưa vào triển khai thực hiện thí điểm giai đoạn 1 đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng “hộ chiếu vắc-xin”. Ước cả năm, thu hút 3,12 triệu lượt khách, đạt 44,7% kế hoạch và giảm 41,8% so cùng kỳ²⁶; khách quốc tế ước đạt 3.500 lượt, đạt 0,9% kế hoạch, giảm 98% so cùng kỳ²⁷; tổng doanh thu khoảng 3.199 tỷ đồng, đạt 25,2% kế hoạch, giảm 59,3% so cùng kỳ.

1.4. Giao thông vận tải

Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng giao thông quan trọng của tỉnh: (i) 12 dự án đang triển khai thực hiện (dự án chuyển tiếp)²⁸; (ii) 01 dự án dự kiến khởi công mới: Dự án đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); (iii) 03 dự án chuẩn bị đầu tư: Dự

²⁵ Do thực hiện giãn cách xã hội, nên doanh thu du lịch lữ hành không có phát sinh (4 tháng).

²⁶ trong đó khách đến các khu, điểm du lịch 1,65 triệu lượt, đạt 46% kế hoạch, giảm 42,9% so cùng kỳ; khách do các cơ sở lưu trú du lịch phục vụ 1,42 triệu lượt, đạt 44% kế hoạch, giảm 40,2% so cùng kỳ.

²⁷ Khách quốc tế được phục vụ theo quy trình du lịch khép kín trong khuôn khổ hoạt động của Kế hoạch thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Phú Quốc sử dụng “hộ chiếu vắc-xin”.

²⁸ (1) Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy U Minh Thượng; (2) Dự án đường Thới 2 đến Công Sự; (3) Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964, hạng mục XD 07 cầu; (4) Dự án cầu Mỹ Thái; (5) Dự án Cảng hành khách Rạch Giá; (6) Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông – Cửa Cạn – Gành Dầu; (7) Dự án đường ven biển Rạch Giá – Hòn Đất; (8) Dự án đường tỉnh ĐT.963B; (9) Nâng cấp, mở rộng cầu Hùng Vương; (10) Dự án cải tạo, nâng cấp QL61; (11) Dự án cải tạo, nâng cấp QL80; (12) Dự án Đường ven sông Cái Lớn.

án đầu tư xây dựng mới cầu U Minh Thượng trên đường 965; Dự án đường ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương và Dự án đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với Cà Mau. Thực hiện đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, đến ngày 15/10/2021 đã xây dựng mới 65,5/240km, đạt 27,27%; nâng cấp, mở rộng 18,6/220km, đạt 8,5%.

Hoạt động vận tải, nhất là vận chuyển hành khách chịu nhiều ảnh hưởng của dịch Covid-19; nhưng với sự giám sát chặt chẽ, tăng cường kiểm tra việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong công tác quản lý vận tải, phương tiện và người lái nên so với cùng kỳ năm 2020 sản lượng vận tải vẫn tăng. Ước năm 2021, hoạt động vận tải hàng hóa đạt 13,957 triệu tấn, đạt 99,65% kế hoạch, tăng 0,86% so với cùng kỳ; vận tải hành khách ước đạt 73,232 triệu lượt khách, đạt 74,14% kế hoạch, giảm 8,34% so với cùng kỳ.

1.5. Đầu tư - Xây dựng

Đầu tư công: Ngay từ đầu năm, tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2021 để chỉ ra những tồn tại, hạn chế và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện. Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm Chi thị số 02/CT-UBND về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và vốn kéo dài; thành lập 04 Tổ công tác và thường xuyên tổ chức các buổi làm việc, giao ban, sơ kết để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Qua đó, đã trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn từ các dự án chậm, không có khả năng giải ngân sang các dự án có tiến độ tốt, khả năng giải ngân cao. Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, công điện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; xây dựng các kịch bản và giao trách nhiệm cho các sở, ban, ngành và địa phương trong việc hướng dẫn, giám sát các nhà thầu triển khai thi công theo từng chỉ thị, cấp độ dịch được ban hành. Chủ động hướng dẫn các đơn vị xây dựng và hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định. Ước đến ngày 31/12/2021, giá trị khối lượng hoàn thành là 4.342.464/5.198.939 triệu đồng, đạt 83,53% kế hoạch; ước đến ngày 31/01/2022, giá trị giải ngân 4.321.411/5.198.939 triệu đồng, đạt 83,12% kế hoạch.

Công tác quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc được tăng cường, quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng thực hiện 140 hồ sơ²⁹, quản lý xây dựng theo quy hoạch thực hiện 100 hồ sơ³⁰. Tăng cường kiểm tra, xử lý, từng bước lập lại kỷ cương trong công tác quản lý trật tự xây dựng, hạn chế tình trạng xây dựng trái phép, không phép, sai quy hoạch xây dựng, lấn chiếm đất công. Tổ chức triển khai, phổ biến các văn bản có liên quan về lĩnh vực xây dựng đến các cấp, các ngành, chủ đầu tư, doanh nghiệp có liên quan; hướng dẫn các địa phương về công tác quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng và phát triển đô thị. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 34,49%, vượt so với dự kiến kế hoạch năm là 32,19%; tỷ lệ đô thị hóa nội thị đạt khoảng 28,78%. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 89,41%, vượt so với dự kiến kế hoạch năm là 88,15%.

Tỉnh đang tập trung đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050³¹. Tính đến tháng 10/2021, tỉnh đã thông qua Khung định hướng chiến lược phát triển Quy hoạch tỉnh làm cơ sở xác định các mục tiêu, định hướng phát triển chung của quy hoạch. Dự kiến đến hết năm 2021 hoàn thành xây dựng các nội dung quy hoạch tỉnh trình Hội đồng thẩm định quy hoạch thẩm định.

1.6. Tài chính - ngân hàng

- *Tài chính*: Tình hình sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, đồng thời việc thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí và tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã ảnh hưởng đến số thu ngân sách nhà nước. Song, với sự quyết tâm cao của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp, người dân đã góp phần đảm bảo chỉ tiêu ngân sách theo dự kiến. Tổng thu ngân nhà nước ước 10.105 tỷ đồng, đạt 87,4% dự toán, bằng 83,4% so với năm 2020. Chi ngân sách theo dự toán, đáp ứng các nhiệm vụ chi cấp bách phòng, chống dịch Covid-19, hạn hán, xâm nhập mặn, đảm bảo an sinh xã hội; chi ngân sách ước đạt 13.968 tỷ đồng, bằng 90,3% kế hoạch.

- *Ngân hàng*: Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, đồng bộ, đảm bảo thanh khoản, ổn định thị trường. Duy trì tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, đi đôi với nâng cao chất lượng

²⁹ Bao gồm: Nhiệm vụ quy hoạch 05 hồ sơ; Đồ án quy hoạch 06 hồ sơ; Điều chỉnh cục bộ 08 hồ sơ; Xin ý kiến, duyệt chấp thuận 59 hồ sơ; Thông báo, công văn thẩm định 40 hồ sơ; Hợp 22 hồ sơ. Trong đó, trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh cục bộ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc; trình Thường trực Tỉnh ủy thẩm định đồ án Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên.

³⁰ Bao gồm: Cung cấp thông tin, thoả thuận quản lý kiến trúc xây dựng theo quy hoạch 86 hồ sơ; Cấp giấy phép xây dựng 14 hồ sơ.

³¹ Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 8 tháng 5 năm 2020



tín dụng, tập trung tín dụng cho vay sản xuất kinh doanh, trọng tâm là các lĩnh vực, ngành ưu tiên; hỗ trợ các tổ chức tín dụng giảm mật bằng lãi suất cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen. Tập trung các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho tổ chức, cá nhân vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, triển khai các chương trình, sản phẩm tín dụng ưu đãi lãi suất thấp hơn lãi suất thông thường nhằm khôi phục, ổn định sản xuất kinh doanh³². Tổng nguồn vốn hoạt động ước đạt 116.250 tỷ đồng, tăng 10,6% so đầu năm; huy động vốn đạt 58.740 tỷ đồng, tăng 3,23%; doanh số cho vay 139.600 tỷ đồng (82% phục vụ sản xuất kinh doanh); dư nợ cho vay 96.630 tỷ đồng, đạt 101,13% kế hoạch, tăng 9,85% so đầu năm; tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,24% tổng dư nợ.

1.7. Phát triển doanh nghiệp - thu hút đầu tư:

Để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh, tỉnh đã triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh³³; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư³⁴. Thực

³² (i) Đến 30/9/2021, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ 4.312 khách hàng với giá trị nợ được cơ cấu 2.739 tỷ đồng (theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN 07/9/2021 của NHNN); Chi nhánh NHCSXH tỉnh cơ cấu nợ cho 8.090 khách hàng với 120 tỷ đồng dư nợ theo quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ. (ii) Miễn, giảm lãi số tiền 96,7 tỷ đồng (58.492 khách hàng, dư nợ 49.304 tỷ đồng). Trong đó: Miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 14/2021/TT-NHNN số tiền 6,6 tỷ đồng (719 khách hàng, dư nợ 2.276 tỷ đồng); Miễn, giảm lãi do các TCTD trên địa bàn thuộc nhóm 16 TCTD tham gia chương trình đồng thuận giảm lãi suất cho vay theo cam kết và không thuộc nhóm các TCTD tham gia đồng thuận giảm lãi suất cho vay số tiền 90,11 tỷ đồng (tương ứng 47.028 tỷ đồng dư nợ, 57.773 khách hàng). (iii) cho vay mới lãi suất thấp hơn so với trước dịch Covid-19 đạt 52.967 tỷ đồng (11.160 khách hàng còn dư nợ).

³³ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về tiếp tục gia hạn thời hạn nộp thuế đối với tiền thuê đất, giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân trong năm 2021; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030.

³⁴ - Xúc tiến đầu tư: Hỗ trợ các tập đoàn, công ty đến tìm hiểu, khảo sát thực tế các dự án kêu gọi đầu tư tại thành phố Hà Tiên, huyện Kiên Lương, khu công nghiệp Thạnh Lộc. Giới thiệu dự án đầu tư cho 04 đơn vị có nhu cầu tìm hiểu đầu tư các dự án: Hồ nước ngọt giai đoạn 1 tại thành phố Rạch Giá; dự án điện gió, điện khí; giới thiệu thông tin danh mục dự án kêu gọi hợp tác đầu tư đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước (Ấn Độ, Hàn Quốc,...) trên website: www.kiengianginvest.com. - Xúc tiến thương mại: phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại thành phố Hồ Chí Minh và chính quyền bang Odisha (Ấn Độ) tổ chức Hội nghị trực tuyến "Hợp tác giữa Kiên Giang và bang Odisha trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản"; đồng thời, tổ chức chương trình kết nối giao thương có sự tham gia của 7 doanh nghiệp, hợp tác xã nông, thủy sản tỉnh với các doanh nghiệp đối tác bang Odisha. Tham dự Hội thảo Quốc tế trực tuyến "Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp Việt Nam - Châu Phi" do Bộ Ngoại giao tổ chức. Hỗ trợ 07 doanh nghiệp đưa trên 10 sản phẩm đặc trưng của địa phương vào hệ thống siêu thị Co.opMart Rạch Giá và Co.opMart Rạch Sỏi,...- Xúc tiến du lịch: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham dự các hoạt động trong khuôn khổ Hội nghị tổng kết liên kết hợp tác phát triển du lịch



hiện tốt công tác cải cách hành chính, nhất là đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế; cấp đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử và nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích,... kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư yên tâm đầu tư và phục hồi, ổn định sản xuất.

- *Về thu hút đầu tư:* Từ đầu năm 2021 đến nay, toàn tỉnh cấp mới 13 Quyết định chủ trương đầu tư, với quy mô 46,543 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư 2.290,58 tỷ đồng³⁵; cấp điều chỉnh 79 Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư, tăng vốn đầu tư 123,715 tỷ đồng. Ước 02 tháng cuối năm, toàn tỉnh cấp mới 04 Quyết định chủ trương đầu tư, với quy mô 7,56 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư 287.656 tỷ đồng. Lũy kế đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 823 dự án, với quy mô 40.769,27 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 544.487,38 tỷ đồng; trong đó, có 375 dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động, chiếm 45,84%/tổng số dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký 66.947,90 tỷ đồng, chiếm 12,3%/tổng vốn đầu tư đăng ký.

- *Phát triển doanh nghiệp:* Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, số thành lập mới giảm, số ngừng hoạt động và giải thể tăng. Ước cả năm thành lập mới 1.200 doanh nghiệp (DN), giảm 20% so với năm 2020; số DN giải thể, ngừng hoạt động 1.072 DN, tăng gấp 3 lần so với năm 2020. Lũy kế toàn tỉnh có 10.592 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 148.333,69 tỷ đồng. Năm 2021, thành lập mới 16 hợp tác xã, bằng 31% so với năm 2020, lũy kế toàn tỉnh có 509 hợp tác xã.

1.8. Lĩnh vực tài nguyên, môi trường

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, công khai theo đúng quy định. Triển khai thực hiện Kế hoạch về việc lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh; triển khai và đôn đốc cấp huyện thực hiện lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 2022 cấp huyện. Trong năm 2021, đã cấp 28.019 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất³⁶. Công tác vận hành cơ sở dữ liệu đất đai được quan tâm chú trọng, đến nay đã hoàn

giữa thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh/thành đồng bằng sông Cửu Long năm 2020 tại tỉnh Đồng Tháp như: Tổ chức trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch tại Khu vực Hội quán làng hoa Sa Đéc, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp; Hội nghị giới thiệu sản phẩm, dịch vụ du lịch mới,...

³⁵ So với 10 tháng/2020, toàn tỉnh giảm 28 dự án, quy mô giảm 609,237 ha, tổng vốn đăng ký giảm 20.380,39 tỷ đồng.

³⁶ Trong đó có 966 giấy của tổ chức, 22.417 giấy của hộ gia đình cá nhân, 640 giấy đại trà, 3.966 giấy cấp lần đầu tại các chi nhánh.

thiện hạ tầng mạng nội bộ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh đến tất cả các Chi nhánh trên địa bàn.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường có nhiều chuyển biến tích cực. Tiến hành triển khai công tác điều tra, đánh giá khoáng sản trên địa bàn tỉnh để lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và dự trữ khoáng sản cho giai đoạn 2020 - 2030. Thường xuyên theo dõi diễn biến chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, tình hình khí tượng thủy văn để phục vụ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Chủ động triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý việc thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại trong các khu, cụm công nghiệp; quản lý rác thải nhựa; kịp thời hướng dẫn các khu điều trị, cách ly tập trung trong công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 98,5%, vượt 5,5% so kế hoạch. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 98%, đạt 100% kế hoạch.

2. Về văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo:

- Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, tỉnh đã chủ động, kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh thời gian, phương pháp dạy và học; điều chỉnh hình thức kiểm tra, đánh giá vừa đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19 vừa hoàn thành nhiệm vụ năm học 2020 - 2021. Tổ chức việc dạy học trực tuyến và trên truyền hình cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh; thực hiện vận động quyên góp, ủng hộ thiết bị học tập trực tuyến cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” ước đạt hơn 3,5 tỷ đồng và 100 máy tính, góp phần hỗ trợ các em học tập trực tuyến hiệu quả. Đẩy mạnh triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới, đã phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, 2, 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục toàn tỉnh; hoàn thành tập huấn cho cán bộ quản lý và giáo viên trước khi bước vào năm học 2021-2022³⁷.

³⁷ Đến nay, 100% cán bộ quản lý cốt cán (CBQL) và giáo viên phổ thông cốt cán đã hoàn thành tập huấn Mô đun 1,2,3 của Chương trình GDPT; 100% giáo viên dạy lớp 1 đã được tập huấn trực tiếp trước khi triển khai chương trình, sách giáo khoa mới; 97% CBQL và giáo viên các cấp hoàn thành tập huấn mô đun 1,2; triển khai tập huấn mô đun 3 qua hệ thống LMS và tập huấn trực tiếp cho CBQL và giáo viên lớp 1,2,6.

Quy mô và chất lượng giáo dục các cấp học tiếp tục được nâng lên. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học theo hướng tăng quy mô, giảm điểm lẻ, nâng cao về chất lượng hoạt động³⁸; toàn tỉnh hiện có 293 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 47,64% (tăng 0,64% so kế hoạch). Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư nhằm đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới. Phổ cập giáo dục được củng cố, duy trì (144/144 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi); tỷ lệ học sinh 6-14 tuổi đi học so với độ tuổi đạt 97,02% (kế hoạch 97%); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông duy trì ở mức cao, năm học 2020 - 2021 đạt 99,61%³⁹ (kế hoạch 98%); tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia gặt hái được nhiều thành tích, đạt 11 giải, tăng 08 giải so với năm học 2019 - 2020, xếp thứ 4/13 tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tập trung đổi mới, phát triển chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đào tạo, gắn kết với nhu cầu thực tế của địa phương, doanh nghiệp và thị trường lao động. Thường xuyên nắm tình hình người lao động, nhất là người lao động bị thôi việc, mất việc, thiếu việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đồng thời, khảo sát nhu cầu sử dụng lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để có phương án hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại và giải quyết việc làm cho lao động phù hợp. Trong năm, đã tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tuyến khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh lân cận; đưa vào vận hành chính thức cổng thông tin điện tử về lao động, việc làm và đào tạo nghề tỉnh Kiên Giang. Ước cả năm, giải quyết việc làm cho 33.860 lượt lao động⁴⁰, đạt 96,74% kế hoạch, giảm 4,8% so với cùng kỳ; đào tạo nghề cho 21.250 người⁴¹, đạt 85% kế hoạch; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68,72%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50,43%.

2.2. Lĩnh vực y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho Nhân dân được quan tâm thực hiện tốt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường; duy trì được các kỹ thuật y tế chất lượng cao như: Mô tim hở, nong mạch vành, phẫu thuật nội soi, xạ trị điều trị bệnh ung thư,... đã đáp ứng nhu cầu

³⁸ Nếu tính cả thí sinh giáo dục thường xuyên và thí sinh tự do thì tỷ lệ tốt nghiệp đạt 97,95%

³⁹ Kết quả giảm 12 trường (Mầm non tăng 1; Tiểu học giảm 9; THCS giảm 4) so với năm học 2019-2020

⁴⁰ Trong đó: Giải quyết việc làm trong tỉnh 20.639 lượt lao động; ngoài tỉnh 13.221 lượt lao động.

⁴¹ Cao đẳng 1.432 người, Trung cấp 3.282 người, Sơ cấp 7.650 người và dạy nghề dưới 03 tháng 8.886 người.

khám và điều trị cho người dân⁴²; tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân (*không gồm giường của Trạm Y tế*) đạt 31,39 (kế hoạch 31,21), tăng 0,56 giường bệnh/vạn dân so cùng kỳ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế, khám, chữa bệnh (bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa,...) và thanh quyết toán bảo hiểm y tế. Phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế được đổi mới, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của người bệnh⁴³.

Tăng cường y tế cơ sở; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại các trạm y tế, xã, phường, thị trấn. Tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm tải, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng dịch vụ các tuyến. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế đạt 142/144 xã, đạt 98,61% (kế hoạch 95%), tăng 4,11% so cùng kỳ⁴⁴.

Chất lượng nguồn nhân lực y tế được nâng lên thông qua tăng cường đào tạo, chuyên giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân (*kể cả bác sĩ tư nhân*) là 9,75 (kế hoạch 9,62), tăng 0,8 bác sĩ/vạn dân so cùng kỳ; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ (kể cả bác sĩ tăng cường) đạt 98,62%, trong đó có 57% bác sĩ định biên; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có nữ hộ sinh/y sĩ sản nhi; 100% ấp, khu phố có nhân viên y tế hoạt động.

Tăng cường y tế dự phòng; chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát, phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là dịch Covid-19. Các dịch bệnh nguy hiểm như sốt xuất huyết, tay chân miệng vẫn còn tăng so với cùng kỳ⁴⁵. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm được quan tâm thực hiện thường xuyên, góp phần bảo vệ an toàn sức khỏe cho người dân; trong năm, đã kiểm tra 11.752 cơ sở, qua đó đã nhắc nhở và xử phạt vi phạm hành chính 1.941 cơ sở chưa đảm bảo an toàn thực phẩm⁴⁶.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Chủ động duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh; đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm tử

⁴² Ước thực hiện khám, điều trị 4,65 triệu lượt, đạt 96,88% kế hoạch, giảm 200.103 lượt so cùng kỳ; điều trị nội trú 273 ngàn lượt, đạt 97,5% kế hoạch, tăng 35.218 lượt so cùng kỳ. Công suất sử dụng giường bệnh là 83%, tỷ lệ khỏi bệnh 93,2%, tỷ lệ tử vong 0,13% (so với năm 2020, các chỉ số trên lần lượt là 78%, 90,32%, 0,09%). Tỷ lệ khám chữa bệnh Y học cổ truyền hoặc kết hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại là 13%.

⁴³ Tiếp nhận và trả lời qua đường dây nóng gần 5.000 trường hợp về những phản ánh, thắc mắc của người dân.

⁴⁴ 02 đơn vị không đạt là thị trấn An Biên, huyện An Biên và thị trấn Dương Đông, thành phố Phú Quốc vì danh mục kỹ thuật không đạt.

⁴⁵ Toàn tỉnh ghi nhận 880 ca mắc sốt xuất huyết (trong đó có 43 ca sốt xuất huyết nặng), tăng 57 ca so với năm 2020. Tay chân miệng có 991 ca mắc, tăng 236 ca so với năm 2020; có 03 trường hợp tử vong (TP.Phú Quốc, Gò Quao, Kiên Hải).

⁴⁶ xử phạt vi phạm hành chính 32 cơ sở với số tiền 101.000.000 đồng, tiêu hủy sản phẩm vi phạm 39 cơ sở, gồm 124 loại sản phẩm với số lượng 156 kg thực phẩm không có nhãn, quá hạn sử dụng, chứa hóa chất ngoài danh mục của Bộ Y tế.



vong bà mẹ, trẻ em, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số⁴⁷.

Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh không còn xã khu vực III nên không được tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ BHYT, làm cho tỷ lệ này sụt giảm; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 83,57%, không đạt kế hoạch đề ra, (kế hoạch trên 90%), giảm 6,43% so cùng kỳ.

2.3. Thực hiện tốt các chính sách xã hội; công tác chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới

Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng; đặc biệt, công tác chi trả trợ cấp ưu đãi cho đối tượng chính sách người có công được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Thực hiện trao tặng 21.685 suất quà, với tổng kinh phí 6.583,8 triệu đồng nhân kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2021); truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước cho 54 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và tặng thưởng 22 Huân chương lao động độc lập cho gia đình có nhiều liệt sỹ hy sinh và có con duy nhất là liệt sỹ;... Tiếp tục tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác nhận, công nhận người có công.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện. Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên, đầy đủ, kịp thời cho 53.934 người, với tổng kinh phí 339.538 triệu đồng⁴⁸. Tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn lực thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phát triển sản xuất, giúp các hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

Công tác hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 được thực hiện tốt: (i) Thực hiện hỗ trợ chính sách cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ; tỉnh đã tổ chức chi hỗ trợ cho 330.572 người, số tiền 584.488 triệu đồng; (ii) Thực hiện Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã tổ chức triển

⁴⁷ Tỷ suất sinh là 13,32‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 7,12‰; tỷ số giới tính khi sinh 97,5‰; tỷ lệ trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên 9,1%. Tổng số người áp dụng các biện pháp tránh thai mới là 109.144 người, đạt 109% kế hoạch, tăng 8,9% so cùng kỳ; tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai đạt 76,5%.

⁴⁸ Trong đó: đối tượng hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng là 53.644 người, kinh phí 335.897 triệu đồng; đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội là 290 người, kinh phí 3.641 triệu đồng.



khai thực hiện phân bổ gạo hỗ trợ cho người dân hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là 2.278.170 kg gạo, cho 151.878 đối tượng, đạt 100% kế hoạch. (iii) Thực hiện chi hỗ trợ cho 50.000 người dân trở về từ các tỉnh, thành phố có dịch bệnh Covid-19 với số tiền là 75 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe trẻ em, bình đẳng giới và tệ nạn xã hội luôn được quan tâm thực hiện. Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em⁴⁹. Tuyên truyền, giáo dục các chính sách pháp luật về trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em. Triển khai các hoạt động tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo các cấp. Tăng cường quản lý, giáo dục, chữa bệnh và dạy nghề cho các đối tượng tại Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng, góp phần giúp người sau cai nghiện trở về tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quyền lợi và chế độ thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của người tham gia từng bước được nâng lên, góp phần đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 10,54% (kế hoạch 11,9%); tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3,2% (kế hoạch 3,1%)⁵⁰.

2.4. Công tác văn hóa và thể thao, thông tin và truyền thông

Các hoạt động văn hóa, thể thao được triển khai dưới nhiều hình thức hoặc tạm dừng, tạm hoãn để phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Tập trung tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử - chính trị - xã hội trong năm⁵¹. Phong trào

⁴⁹ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tỉnh Kiên Giang.

⁵⁰ Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và tình hình giãn cách xã hội, các doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh bị hạn chế hoạt động hoặc tạm ngưng sản xuất nên số lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN giảm, thuộc các lĩnh vực: may mặc, giày da, chế biến thủy, hải sản, vận tải, khách sạn, dịch vụ nhà hàng,...; đồng thời, số người tham gia BHXH tự nguyện giảm sâu do không có thu nhập.

⁵¹ Tuyên truyền Mừng Đảng - Mừng Xuân Tân Sửu 2021; tuyên truyền Kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2021); kỷ niệm 46 năm Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2021); kỷ niệm 20 năm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2001 - 28/6/2021) và Tháng hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình năm 2021; kỷ niệm 76 năm Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2021) và Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2021); 76 năm Ngày truyền thống ngành Văn hóa (28/8/1945 - 28/8/2021); Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (25/11)... Đặc biệt, tuyên truyền và tổ chức an toàn cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tổ chức thành công Lễ Công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng cuộc sống gắn với xây dựng nông thôn mới. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử được chú trọng⁵². Phong trào thể dục, thể thao quần chúng không tổ chức các giải theo kế hoạch; thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả nổi bật; đăng cai tổ chức thành công Giải Vô địch cử tạ Thanh thiếu niên quốc gia năm 2021; tham gia thi đấu 10 giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế, đội tuyển đã giành được 38 huy chương (15 HCV, 09 HCB, 14 HCD); có 06 vận động viên đạt kiện tướng đẳng cấp thế giới, 09 vận động viên đạt kiện tướng đẳng cấp quốc gia.

Công tác quản lý báo chí được tăng cường, các cơ quan báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích. Trong năm, tập trung tuyên truyền những sự kiện, các ngày lễ, kỷ niệm quan trọng của đất nước và của tỉnh, đặc biệt là tuyên truyền thường xuyên liên tục có hiệu quả về công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh⁵³, đi đôi với phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Triển khai kết nối truyền hình hội nghị trực tuyến đến cấp xã, phường, thị trấn phục vụ chỉ đạo điều hành phòng, chống Covid-19. Thành lập Tổ công nghệ và kế hoạch triển khai các nền tảng ứng dụng công nghệ hỗ trợ trong phòng, chống dịch Covid-19⁵⁴.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông được triển khai đồng bộ, dịch vụ bưu chính, viễn thông đã được triển khai đến tận vùng sâu, biên giới, hải đảo, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin, liên lạc trong Nhân dân; 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính; dịch vụ điện thoại cố định và di động đã được phủ sóng toàn tỉnh. Ước cuối năm, mật độ thuê bao điện thoại (bao gồm cả cố định và di động) đạt 112,6 thuê bao/100 dân; tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động 4G đạt 96%; dịch vụ truy nhập Internet băng rộng đạt 79,7 thuê bao/100 dân.

việc thành lập thành phố Phú Quốc và các phường thuộc thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 (huyện Gò Quao và Giồng Riềng),....

⁵² Tổng số di tích được xếp hạng đến nay là 57 di tích (trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 23 di tích cấp quốc gia và 33 di tích cấp tỉnh).

⁵³ Cập nhật thường xuyên liên tục, rà soát quản lý thông tin trên mạng internet nói về tỉnh Kiên Giang, nhất là thông tin về Covid-19 của tỉnh và bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Đến nay, thông tin trên internet nói về tỉnh Kiên Giang có: 367.578 tin, bài, trong đó: Báo online 151,956 bài; Trang thông tin điện tử (TTĐT) 41.310 bài; Mạng xã hội có 174.312 bài.

⁵⁴ Bao gồm: Hệ thống thông tin báo cáo An toàn Covid-19 của Chính phủ, Hệ thống camera giám sát các khu cách ly trên địa bàn tỉnh, Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã QR, Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm Covid-19 theo hình thức trực tuyến; nền tảng tiêm chủng vắc-xin toàn quốc, Sổ sức khỏe điện tử, Giải pháp công nghệ “Vòng đeo tay” thông minh cho công dân nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

11 | 11/11/2021 | 11/11/2021

2.5. Ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ

Thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh. Phát triển nền tảng kết nối chia sẻ dữ liệu cấp Bộ, cấp tỉnh theo hướng chỉ nhập và thao tác 01 lần, tích hợp chia sẻ dữ liệu được cho nhiều nền tảng. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu của các ngành, dùng chung của tỉnh, bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; tăng cường kết nối, trao đổi thông dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Nâng cao hiệu quả hoạt động Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh và hệ thống Một cửa điện tử các cấp; tiếp tục nâng cao số lượng cũng như hiệu quả triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; phát triển thanh toán điện tử không dùng tiền mặt, bưu chính công ích và chứng thực điện tử.

Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đã triển khai kết nối từ UBND tỉnh đến Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND và UBND các huyện, thành phố và 44 điểm cầu cấp xã (hệ thống mở rộng). Qua nhiều nỗ lực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền điện tử, theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông về xếp hạng chuyển đổi số năm 2020, tỉnh nằm trong nhóm tốt với thứ hạng 9/63 tỉnh, thành.

Tăng cường quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, duy trì các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học và công nghệ, nhất là việc đo lường, chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ thiết thực và hiệu quả cho nhu cầu sản xuất và đời sống Nhân dân. Tổng kinh phí để triển khai các dự án đầu tư khoa học và công nghệ theo danh mục các nhiệm vụ 2021 là 25.436 triệu đồng (bao gồm cả chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021); ước thực hiện cả năm 22.577 triệu đồng, đạt 89% kế hoạch.

2.6. Thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo

Triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp tục lựa chọn, công nhận người có uy tín và thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số (DTTS), nhất là hỗ trợ đồng bào cho vay vốn phát triển sản xuất, dạy nghề, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, giải quyết việc làm, góp phần làm cho kinh tế, đời sống vùng đồng

bào DTTS trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển⁵⁵. Công tác bảo tồn bản sắc văn hóa các DTTS luôn được gìn giữ và phát huy. Công tác an sinh xã hội vùng dân tộc tiếp tục được quan tâm thực hiện; tổ chức thăm, tặng quà và tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc đón lễ, tết theo phong tục truyền thống⁵⁶; kịp thời hỗ trợ hộ nghèo, các hộ bị thiên tai làm thiệt hại tài sản, hỗ trợ các lực lượng phòng, chống dịch và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19⁵⁷. Các chính sách, công tác giáo dục, đào tạo, y tế trong vùng đồng bào DTTS tiếp tục được quan tâm và chú trọng đầu tư như: hỗ trợ học sinh vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn, trường phổ thông DTNT dạy và học trực tuyến; đầu tư xây dựng trạm y tế xã vùng DTTS, 100% các xã đặc biệt khó khăn có Trạm Y tế đủ điều kiện khám chữa bệnh cho người dân... góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS, giảm nghèo bền vững, thay đổi tích cực diện mạo nông thôn vùng đồng bào DTTS.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm 2021, trong bối cảnh hết sức khó khăn, thách thức; xâm nhập mặn diễn ra sớm và gay gắt hơn; dịch Covid-19 bùng phát lần thứ tư với diễn biến phức tạp hơn đã ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy tăng trưởng kinh tế của tỉnh không đạt như kỳ vọng nhưng với những quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của toàn dân, sự đồng hành của các doanh nghiệp cùng sự hỗ trợ của Trung ương với những kết quả đạt được là đáng ghi nhận; có 24 chỉ tiêu được giao, trong đó, có 8 chỉ tiêu vượt kế hoạch, 6 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 10 chỉ tiêu không đạt kế hoạch; có 37 nhiệm vụ được giao, trong đó, có 14 nhiệm vụ đã hoàn thành (có 1 nhiệm

⁵⁵ Tổ chức các lớp đào tạo nghề cho 248 người DTTS, giải quyết việc làm cho 3.137 lượt người; hỗ trợ 57 người DTTS vay vốn Quỹ Quốc gia về việc làm, với số tiền 2.394 triệu đồng, xuất khẩu lao động.

⁵⁶ Nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, tỉnh đã tổ chức thăm, chúc Tết 06 tập thể và tặng 100 suất quà cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người có uy tín trong đồng bào DTTS. Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer, tỉnh xuất ngân sách 701.700.000 đồng hỗ trợ cho 2.339 hộ nghèo là đồng bào dân tộc Khmer; gửi Thư chúc Tết bằng hai thứ tiếng Việt - Khmer; tổ chức 07 Đoàn đi thăm, chúc Tết, tặng quà Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh, 20 chùa, 09 vị chức sắc, 40 gia đình chính sách, 03 Mẹ Việt Nam anh hùng, 10 cán bộ hưu trí tiêu biểu là người dân tộc Khmer, với kinh phí 58.881.700 đồng. Thừa ủy quyền của Ủy ban Dân tộc, Ban dân tộc tỉnh đã tổ chức thăm, tặng quà, chúc mừng 03 tổ chức và 30 cá nhân, hộ gia đình người Khmer với kinh phí 25.500.000 đồng. Nhân dịp lễ Sene Đôn Ta theo truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer, tỉnh tổ chức 04 đoàn thăm, chúc mừng và tặng quà Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh và 14 chùa Phật giáo Nam tông Khmer; 30 gia đình chính sách, 07 vị chức sắc, 11 cán bộ hưu trí tiêu biểu là dân tộc Khmer với kinh phí cho hoạt động là 41.600.000 đồng. Thừa ủy quyền của Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức đi thăm, tặng quà 04 tổ chức và 30 cá nhân là người dân tộc Khmer ở các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, với số tiền 29.000.000 đồng;...

⁵⁷ Do ảnh hưởng của thời tiết kèm theo giông, lốc có 09 căn của hộ đồng bào DTTS bị ảnh hưởng (sập 02 căn, tốc mái 07 căn); tỉnh đã kịp thời hỗ trợ, vận động đồng bào vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống. Kịp thời vận động các mạnh thường quân, nhà tài trợ hỗ trợ nhu yếu phẩm, gạo, quà cho các lực lượng phòng, chống dịch, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn vùng đồng bào DTTS, vùng biên giới, hải đảo do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

vụ được điều chỉnh); 9 nhiệm vụ đã trình cấp có thẩm quyền xem xét; 14 nhiệm vụ đang xây dựng (có 2 nhiệm vụ được điều chỉnh), trong đó, trễ hạn 8 nhiệm vụ, 6 nhiệm vụ đang thực hiện theo tiến độ (hoàn thành quý IV). Khu vực I vẫn đóng vai trò là “trụ đỡ” cho phát triển kinh tế tỉnh. Khu vực II và III tuy chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 nhưng với việc triển khai quyết liệt các giải pháp khôi phục sản xuất kinh doanh bước đầu đã phát huy hiệu quả, dần đưa cuộc sống người dân về trạng thái bình thường mới một cách an toàn trong những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm thực hiện; triển khai đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, nhất là hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, góp phần giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, ổn định đời sống Nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế

- Về công tác phòng, chống dịch: Các cấp, các ngành có lúc, có nơi vẫn còn tư tưởng chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp còn thiếu đồng bộ, chưa quyết liệt, lúng túng trong xử lý tình huống, nhất là giai đoạn đầu khi dịch bùng phát mạnh (lần 4). Một bộ phận người dân chấp hành chưa nghiêm các quy định về phòng, chống dịch, dẫn đến dịch bệnh vẫn còn lây lan trong cộng đồng. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân lực phòng, chống dịch còn hạn chế.

- Việc mở rộng quy mô diện tích liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn còn hạn chế so với tiềm năng phát triển sản xuất của địa phương; chi phí đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng cao, đặc biệt giá phân bón các loại như: Urea, DAP, ... tăng gấp đôi, nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất của nông dân trong thời gian tới. Tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài vẫn còn xảy ra. Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm có chiều hướng diễn biến phức tạp nhất là bệnh: Viêm da nổi cục trên trâu, bò; dịch tả heo Châu Phi.

- Do tác động của dịch Covid-19, cùng với việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội kéo dài đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất, lưu thông hàng hóa; làm gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng trên địa bàn tỉnh; nhiều doanh nghiệp/cơ sở sản xuất phải ngừng hoạt động hoặc sản xuất cầm chừng⁵⁸; các doanh nghiệp phải thực hiện theo phương án “3 tại chỗ” hoặc “1 cung đường 2 điểm đến”, thực hiện giảm số lượng lao động, hạn chế lưu thông

⁵⁸ Tổng số Trạm cấp nước, hồ nước đang quản lý: 54 trạm và 2 hồ chứa nước (Hồ nước Dương Đông và Hồ nước An Sơn); tổng số đồng hồ đang được quản lý: 71.538 đồng hồ.



liên huyện, thành phố, giới hạn thời gian hoạt động,... đã kéo theo sự sụt giảm về giá trị sản xuất công nghiệp.

- Các hoạt động thương mại - dịch vụ cũng bị ảnh hưởng nặng nề do dịch Covid-19, giãn cách xã hội; hàng loạt các cơ sở lưu trú, ăn uống, lễ hành, khu/điểm vui chơi, giải trí phải tạm đóng cửa; 14 chợ truyền thống tạm dừng hoạt động; sức mua tại các chợ giảm đến 60%, tại siêu thị giảm đến 80% so với ngày bình thường; giá một số mặt hàng (xăng dầu, khí đốt, phân bón,...) trong nước tăng cao; ảnh hưởng của dịch Covid-19 tới ngành thương mại - dịch vụ trong giai đoạn này nặng nề hơn so với cùng kỳ năm 2020.

- Trong thời gian tới dịch bệnh Covid-19 trong tỉnh vẫn còn diễn biến tại một số khu vực; chuỗi cung ứng hàng hóa và lao động khó phục hồi ngay trong những tháng cuối năm 2021, cộng với chi phí logistics tăng cao, lượng tồn kho lớn, nguồn lao động thiếu hụt, dòng tiền cạn kiệt là những cản trở lớn đối tiến trình khôi phục lại hoàn toàn hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Sức cầu của thị trường trong tỉnh còn thấp, nhu cầu chủ yếu tập trung vào các mặt hàng thiết yếu, nhu cầu hàng tiêu dùng giảm do tâm lý tiết kiệm và thu nhập của người dân sụt giảm trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài.

- Giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn rất thấp so với kế hoạch. Một số dự án công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, chất lượng chưa cao dẫn đến nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện, xử lý kỹ thuật còn kéo dài, nhất là ở một số công trình trọng điểm. Nhiều dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 và dự án sử dụng vốn ODA còn chậm điều chỉnh hồ sơ thủ tục theo quy định, làm chậm việc giải ngân vốn, tổ chức đấu thầu⁵⁹. Một số nhà thầu không đủ năng lực để thực hiện, tiến độ không đúng hợp đồng đã ký nhưng vẫn được chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án tiếp tục ký kết hợp đồng các gói thầu khác, không thực hiện xử phạt, xử lý cắt hợp đồng. Nhiều dự án chậm giải ngân do thực hiện giải phóng mặt bằng, nhất là đối với các dự án giao thông, nông nghiệp, các dự án sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất, ghi thu ghi chi.

- Chất lượng, hiệu quả dạy và học trực tuyến vẫn còn hạn chế; điều kiện học tập trực tuyến ở một số nơi không đồng đều, thiết bị học tập trực tuyến cho học sinh chưa đáp ứng nhu cầu⁶⁰. Cơ sở vật chất tuy được quan tâm đầu

⁵⁹ Đến hết tháng 10/2021 vẫn còn dự án đang hoặc chưa triển khai tổ chức đấu thầu: chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat); trung tâm Y tế huyện Giang Thành; trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng; cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020; nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo); đôn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông.

⁶⁰ Theo thống kê đến ngày 23/9/2021, toàn tỉnh còn 83.246 học sinh phổ thông thiếu thiết bị học tập trực tuyến (chiếm gần 30%); trong đó, có 6.121 học sinh thuộc hộ nghèo (chiếm 7,35%), 10.459 học sinh thuộc hộ cận nghèo (chiếm 12,6%).

tư song chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội nên quá trình thực hiện các Chương trình y tế gặp nhiều khó khăn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp nên các bệnh truyền nhiễm, nhất là sốt xuất huyết, tay chân miệng có khả năng gây dịch gia tăng trở lại ở một số địa phương. Cơ sở vật chất, trang thiết bị một số Trung tâm y tế đã xuống cấp, chưa đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh và chưa đáp ứng công tác phòng, chống dịch. Nguồn nhân lực y tế vẫn còn thiếu so với nhu cầu, nhất là bác sĩ làm việc cố định ở các trạm y tế xã.

- Các lĩnh vực sản xuất và đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhất là đối với người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, lao động thời vụ, lao động tự do, bán vé số,...; nhiều doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất; hoạt động xuất khẩu lao động bị hạn chế; các chỉ tiêu giải quyết việc làm, tuyển sinh, đào tạo nghề chưa đạt tiến độ kế hoạch đề ra.

3. Nguyên nhân

- Khách quan: Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến nhanh, phức tạp, kéo dài trên diện rộng; cùng với ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập đã tác động mạnh mẽ và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội trong tỉnh.

- Chủ quan: Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa quyết liệt, chủ động, kịp thời; vai trò, trách nhiệm của một bộ phận người đứng đầu các ngành, các cấp chưa cao; năng lực, trình độ, ý thức chấp hành kỷ luật của một số bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ, chưa thực sự hiệu quả.

IV. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 05/2/2020 của UBND tỉnh theo như phụ lục đính kèm.

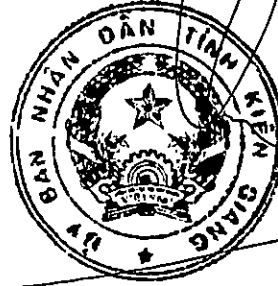
Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về kết quả thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và tình hình kinh tế -

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Kiên Giang về kết quả thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng TH, CVNC;
- Lưu: VT, vttkieu "HT".

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín





PHỤ LỤC

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2021

(Theo Báo cáo số 442/BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Tiến độ thực hiện
01	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 01	UBND tỉnh	Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 01/02/2021
02	Kế hoạch về thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I	UBND tỉnh	Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 22/02/2021
03	Hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bước 1)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 12	Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh	Tổ chức Hội thảo thông qua các nội dung đề xuất Quy hoạch tỉnh
04	Chỉ thị đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I	UBND tỉnh	Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021
05	Quyết định ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I	UBND tỉnh	Không ban hành Quyết định mà Thực hiện theo Nghị quyết 505/2020/NQ-HĐND ngày 8/12/2020

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Tiến độ thực hiện
06	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II	UBND tỉnh	Báo cáo 168/BC-UBND ngày 02/6/2021
07	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III	UBND tỉnh	Báo cáo số 301/BC-UBND ngày 28/8/2021
08	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh 5 năm 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý I	UBND tỉnh	Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 15/4/2021
09	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2021, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III	UBND tỉnh	Báo cáo số 303/BC-UBND ngày 29/8/2021
10	Báo cáo tổng kết Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến 2020 và những năm tiếp theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
11	Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
12	Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV	UBND tỉnh	Chuyển qua xây dựng Kế hoạch hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2025 (đang lấy ý kiến các đơn vị), theo Nghị định 80/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Tiến độ thực hiện
					định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
13	Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
14	Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2022	Trung tâm XTĐTMDL	Quý IV	UBND tỉnh	Đã hoàn thành
15	Điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý II	UBND tỉnh	Đang trong quá trình xây dựng
16	Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý III	UBND tỉnh	Đang trong quá trình xây dựng
17	Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý II	UBND tỉnh	Đang gửi lấy ý kiến các đơn vị trước khi trình UBND tỉnh
18	Đề án thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý III	UBND tỉnh	Đang trong quá trình xây dựng

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Tiến độ thực hiện
19	Kế hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Quý IV	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
20	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công Thương	Quý IV	UBND tỉnh	Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 28/6/2021
21	Kế hoạch đầu tư hạ tầng phát triển cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Quý IV	UBND tỉnh	Đang tổng hợp ý kiến các đơn vị trước khi trình UBND tỉnh
22	Kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng thương mại giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Quý IV	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
23	Báo cáo sơ kết Chương trình phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2025	Sở Xây dựng	Quý II	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
24	Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021	Sở Tài chính	Quý I	UBND tỉnh	Báo cáo số 48/BC-UBND ngày 18/02/2021
25	Đề án bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, nước thải giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý II	UBND tỉnh	Đã phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí tại Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 23/9/2021
26	Báo cáo sơ kết Chương trình hành động số 47-CTr/TU, ngày 21-02-2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý III	UBND tỉnh	Đang gửi các đơn vị lấy ý kiến trước khi tổ chức Hội

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Tiến độ thực hiện
	biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045				ngợi
27	Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV	UBND tỉnh	Đang trong quá trình xây dựng
28	Kế hoạch ngầm hóa hạ tầng mạng viễn thông tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III	UBND tỉnh	Đang trong quá trình xây dựng
29	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2026	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý II	UBND tỉnh	Đã dự thảo Báo cáo trình UBND tỉnh
30	Đề án nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa ở cơ sở giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Văn hoá và Thể thao	Quý II	UBND tỉnh	Đang trong quá trình xây dựng
31	Kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Văn hoá và Thể thao	Quý II	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
32	Báo cáo sơ kết Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 16/11/2017 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Sở Du lịch	Quý II	UBND tỉnh	Đã dự thảo trình UBND tỉnh
33	Báo cáo tổng kết Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường trọng điểm và trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý I	UBND tỉnh	Đã hoàn thành
34	Báo cáo tổng kết Đề án xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh Kiên Giang đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý I	UBND tỉnh	Đã hoàn thành

STT	Tên đề án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian trình	Cấp trình	Tiến độ thực hiện
35	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2021-2025 theo vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Quý II	UBND tỉnh	Kế hoạch 45/KH-UBND ngày 08/3/2021
36	Đề án về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính tỉnh Kiên Giang	Sở Nội vụ	Quý III	UBND tỉnh	Chuyển qua Kế hoạch; đã dự thảo trình UBND tỉnh
37	Kế hoạch công tác đối ngoại năm 2022.	Sở Ngoại vụ	Quý IV	UBND tỉnh	Đang trong quá trình xây dựng



ỦY BAN CHỖ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021
TỈNH KIÊN GIANG

Xem theo Báo cáo số 442/BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

1	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Thực hiện so sánh với Kế hoạch
			Kế hoạch	Ước cả năm	
2	3	4	5	6	
I. VỀ KINH TẾ					
1. Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	3,05	6,01	0,71	Không đạt
+ Nông - Lâm - Thủy sản	%	3,43	2,69	0,34	
+ Công Nghiệp - Xây dựng	%	5,81	8,08	2,22	
<i>Riêng Công nghiệp</i>	%	5,23	8,09	2,26	
+ Dịch vụ	%	1,92	7,23	1,61	
+ Thuế NK, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	-1,42	10	-7,66	
Trong đó: -Giá trị Gia tăng GRDP	Tỷ đồng	68.956,99	66.356,8 (*)	63.428,9	
2. GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	55,93	58,9	58,22	Không đạt
3. Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)	%	100,00	100,00	100,00	Không đạt
+ Nông - Lâm - Thủy sản	%	32,74	31,51	41,50	
+ Công Nghiệp - Xây dựng	%	20,65	21,83	20,62	
+ Dịch vụ	%	42,67	42,56	32,71	
+ Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%	3,95	4,11	5,17	
4. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản (Giá SS2010)	%	3,34	3,16	-1,74	Không đạt
5. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp (Giá SS2010)	%	5,61	8,1	1,89	Không đạt
6. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (Giá Hiện hành)	%	2,41	12	-0,61	Không đạt
7. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	11.850,00	11.560,00		Không đạt
8. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	46.319,65	45.699,00	36.560,50	Không đạt
Trong đó: <i>Vốn đầu tư công</i>	Tỷ đồng		5.198,94	4.321,41	Không đạt
<i>BQLKKT Phú Quốc</i>	Tỷ đồng		20.000,00	20.500,00	Vượt
<i>BQLKKT tỉnh</i>	Tỷ đồng		614,90	312,00	Không đạt
9. Tỷ lệ đô thị hóa	%	28,76	32,19	34,49	Vượt
II. VỀ XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
10. Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia (bậc tiểu học)	%	46,47	>47	47,64	Vượt
11. Tỷ lệ huy động huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường	%	96,06	>97	97,02	Vượt
12. Số lượt lao động được giải quyết việc làm	Lượt người	35.570	35.000	33.860	Không đạt
13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	67,00	69,00	69,00	Đạt
Trong đó: <i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ</i>	%	50,00	50,50	50,43	Không đạt
14. Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	79	Thêm 9 xã	Thêm 9 xã	Đạt
15. Số huyện đạt tiêu chí NTM	Xã	3	Thêm 3 huyện	Thêm 3 huyện	Đạt
16. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	94,50	95	98,61	Vượt
17. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân	%	8,95	9,62	9,75	Vượt
18. Tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân	Giường/ Vạn dân	30,83	31,21	31,75	Vượt
19. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	Giảm 1%	Giảm 1%	Giảm 1%	Đạt

20. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	90,00	>90	83,57	Không đạt
21. Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch (**)	Xã	88	88	89,41	Vượt
22. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch	%	60,7	62	62,0	Đạt
23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	90,00	93	99,58	Vượt
<i>Trong đó: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế</i>	%	<i>98,00</i>	<i>98</i>	<i>98,00</i>	<i>Đạt</i>
24. Tỷ lệ che phủ rừng	%	12,01	11,00	11,00	Đạt

Ghi chú:

Trong 24 chỉ tiêu, có 10 chỉ tiêu không đạt kế hoạch; 6 chỉ tiêu đạt và 8 chỉ tiêu vượt kế hoạch

(*) Số kế hoạch năm 2021 điều chỉnh lại theo số công bố của Tổng cục thống kê

(**) Năm 2022 có đưa vào tính đô thị Thứ 7, tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch khoảng 58%.